

Bản án số: 208/2019/DS-PT
Ngày: 05-9-2019
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ;

Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2019/TLPT-DS, ngày 27 tháng 6 năm 2019, về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 240/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn M, sinh năm 1966, cư trú tại: Số T, ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1973, cư trú tại: Số E, ấp D, xã S, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1954, cư trú tại: Số nhà E, ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

2. Ông Lê Văn M, sinh năm 1949, cư trú tại: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt có ủy quyền).

3. Bà Lê Thị T, sinh năm 1960, cư trú tại: Ấp P, phường S, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt có ủy quyền).

4. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971, cư trú tại: Ấp H, xã D, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt có ủy quyền).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn M, bà Lê Thị R, ông Nguyễn Văn C là ông Lê Văn M (Văn bản ủy quyền vào ngày 18-8-2017).

5. Bà Đinh Thị D, sinh năm 1977, cư trú tại: Ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, ông Lê Văn M trình bày:

Mẹ ông là cụ Võ Thị P, (chết ngày 17-01-2017) có 02 chồng.

Khi cụ P chung sống với cha ông là cụ Lê Văn L (chết năm 1963), có 07 người con chung gồm: Lê Văn Nhị (chết lúc 19 tuổi không có vợ con); Lê Văn M; Lê Thị H; Lê Thị Nm (chết lúc 14 tuổi không có chồng con); Lê Thị R; Lê Văn M; Lê Văn Mẫn (chết lúc 14 tuổi không có vợ con).

Khi cụ Lê Văn L chết, cụ P chung sống với cụ Nguyễn Văn N (đã chết) có 03 người con chung gồm: Nguyễn Văn C; Nguyễn Thị Thu (chết lúc còn nhỏ); Lê Văn T.

Ngoài ra thì cụ P, cụ L, cụ N, không có con riêng, con nuôi nào khác, cụ P chết không để lại di chúc.

Trước khi cụ P kết hôn với cụ L; cụ N. Cụ P được cha mẹ ruột tặng cho nhiều đất. Sau đó cụ P đã chia đều cho các con mỗi người một phần đất để sinh sống và lập gia đình nên chỉ còn lại diện tích đất tranh chấp cụ P để lại dưỡng già gồm:

- Diện tích 1500m² thuộc thửa số 2289, tờ bản đồ số 4 (đo đạc thực tế 1407,6 m² thửa mới 288 tờ bản đồ số 29), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04957 ngày 17-9-2009 do Ủy ban nhân dân huyện O tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ Võ Thị P đứng tên.

- Diện tích 452m² thuộc thửa số 344, tờ bản đồ số 29 (đo đạc thực tế 451,1 m² thửa mới 344 tờ bản đồ số 29), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS00808 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12-5 -2015 do cụ Võ Thị P đứng tên quyền sử dụng. Trên đất có căn nhà tình nghĩa hiện nay ông T đang quản lý, sử dụng.

Các phần đất trên đều tọa lạc tại ấp B, xã Q, huyện O, tỉnh Tây Ninh.

Nay ông yêu cầu chia các diện tích đất trên cho các thừa kế của cụ P theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của ông M về nguồn gốc đất tranh chấp, hàng thừa kế của cụ P là đúng. Cụ P chết không để lại di chúc, tuy nhiên khi cụ P bệnh hấp

hỏi có nói cho ông các diện tích đất tranh chấp trên để thờ cúng, có bà Lê Thị H làm chứng. Việc cụ P tặng cho đất đối với ông không có giấy tờ gì.

Nay ông M khởi kiện chia 02 diện tích đất 1500m² và 452m² theo quy định pháp luật thì ông có ý kiến như sau: Ông đồng ý chia diện tích đất 1500 m² cho các đồng thừa kế; riêng diện tích đất 452 m² có căn nhà tình nghĩa để thờ cúng nên không chia. Trường hợp các diện tích đất cụ P để lại được chia theo quy định pháp luật và kỹ phần thừa kế bà H được hưởng, bà H tặng cho lại ông thì ông đồng ý nhận, không có ý kiến gì khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn M, bà Lê Thị TH, ông Nguyễn Văn C ủy quyền cho ông M: Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông Lê Văn M.

Bà Lê Thị H trình bày: Thừa nhận lời trình bày của ông Lê Văn M về nguồn gốc đất tranh chấp, hàng thừa kế của cụ P là đúng. Cụ P chết không để lại di chúc; tuy nhiên khi cụ P bệnh hấp hối có nói cho ông T toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp là đúng. Việc cụ P tặng cho đất ông T không có giấy tờ gì. Sau khi cụ P chết thì ông T vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng để thờ cúng cho đến nay. Nên ông Lê Văn M yêu cầu chia phần đất diện tích 1500m² và 452m² theo quy định pháp luật thì bà không đồng ý vì ông M, ông M đều đã được cụ P chia tài sản khi lập gia đình rồi. Bà yêu cầu cho ông Lê Văn T được quản lý, sử dụng toàn bộ đất cụ P để lại, để canh tác và cúng giỗ cho cha mẹ. Trường hợp các diện tích đất của cụ P để lại được chia theo quy định pháp luật thì kỹ phần thừa kế bà được hưởng, bà tự nguyện tặng cho lại ông T, bà không yêu cầu gì khác.

Bà Đinh Thị D trình bày: Bà là vợ của ông T, khi cưới bà về thì vợ chồng bà cùng sống chung với mẹ chồng tại căn nhà tình nghĩa này, bà thống nhất với lời trình bày và quyết định của ông T, không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 623, 650, 651, 652 của Bộ luật Dân sự; Khoản 1, 2 Điều 228; khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M đối với ông Lê Văn T.

1.1 Ông Lê Văn T được quyền quản lý, sử dụng:

- Diện tích 1500 m², thửa số 2289, tờ bản đồ số 4 (đo đạc thực tế 1407,6 m² thửa mới 288, tờ bản đồ số 29), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04957 ngày 17-9-2009 do Ủy ban nhân dân huyện O tỉnh T Ninh cấp cho cụ Võ Thị P đứng tên.

- Diện tích 452 m² thuộc thửa số 344, tờ bản đồ số 29 (đo đạc thực tế 451,1 m² thửa mới 344 tờ bản đồ số 29) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ

CS00808 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh T Ninh cấp ngày 12-5-2015 do cụ Võ Thị P đứng tên. Trên đất có căn nhà tình nghĩa, công trình phụ và 02 cây dừa.

Hai phần đất nêu trên đều tọa lạc tại ấp B, xã Q, huyện O, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

1.2 Ghi nhận bà Lê Thị H tặng cho ông Lê Văn T kỷ phần thừa kế bà H được hưởng trị giá 39.142.000 (Ba mươi chín triệu một trăm bốn mươi hai nghìn) đồng.

1.3 Ông Lê Văn T có nghĩa vụ thanh toán giá trị cho những người được hưởng thừa kế sau:

Thanh toán cho ông Lê Văn M, ông Lê Văn M, bà Lê Thị R, ông Nguyễn Văn C mỗi người số tiền 39.142.000 (Ba mươi chín triệu một trăm bốn mươi hai nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03-5-2019, ông Lê Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại toàn bộ vụ án, vì hai phần đất này mẹ ông (cụ P) đã cho ông, còn các anh, chị khác đã được mẹ chia phần xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lê Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí, vì ông M, ông M, bà R là con của Liệt sỹ theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn M, bà Lê Thị R, ông Nguyễn Văn C vắng mặt nhưng có ủy quyền, bà Lê Thị H và bà Đinh Thị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228, khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ P để lại là các phần đất diện tích sau:

- Diện tích 1500m², thửa số 2289, tờ bản đồ số 4 (đo đạc thực tế 1407,6 m² thửa mới 288, tờ bản đồ số 29), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04957 ngày 17-9-2009 do Ủy ban nhân dân huyện O tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ Võ Thị P đứng tên.

- Diện tích 452m² thuộc thửa số 344, tờ bản đồ số 29 (đo đạc thực tế 451,1 m² thửa mới 344 tờ bản đồ số 29) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS00808 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12-5-2015 do cụ Võ Thị P đứng tên.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất về hàng thừa kế, quan hệ nhân thân, di sản thừa kế và cụ P chết không để lại di chúc. Các đương sự không tranh chấp các tài sản trên đất gồm: Căn nhà tình nghĩa cấp cho cụ P, công trình phụ và 02 cây dừa. Tài sản tranh chấp hiện do ông T đang quản lý, sử dụng

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T:

[3.1] Ông T cho rằng khi còn sống, cha mẹ ông đã chia đất cho các anh, chị em của ông rồi, nhưng chưa chia cho ông bất kỳ tài sản nào; ông sống cùng cha, mẹ, là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc mẹ (cụ Võ Thị P) khi già yếu, đến khi qua đời và lo cúng giỗ. Việc Tòa án sơ thẩm buộc ông phải trả cho ông M, ông M, bà R, ông C, mỗi người nêu trên trị giá phần di sản thừa kế là số tiền 39.142.000 (Ba mươi chín triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn) đồng là chưa khách quan, không xem xét thấu tình, đạt lý.

[3.2] Hội đồng xét xử thấy rằng:

Cả hai phần đất nêu trên là di sản do cụ Võ Thị P đứng tên quyền sử dụng, ông T trình bày cụ P đã tặng cho ông khi cụ P còn sống, nhưng ông không Cng cấp được chứng cứ chứng minh. Cụ P chết không để lại di chúc. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế do cụ P để lại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.3] Tại Tòa, các đương sự thống nhất tại thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế của cụ P còn lại 06 người, gồm có: Ông Lê Văn M; bà Lê Thị H; bà Lê Thị R; ông Lê Văn M; ông Nguyễn Văn C và ông Lê Văn T.

[3.4] Phần di sản các đương sự thống nhất gồm có:

- Diện tích đất 1500m² thuộc thửa số 2289, tờ bản đồ số 4 (đo đạc thực tế 1407,6 m² thửa mới 288 tờ bản đồ số 29), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

vào sổ H04957 ngày 17-9-2009 do Ủy ban nhân dân huyện O tỉnh T Ninh cấp cho cụ Võ Thị P đứng tên, trị giá quyền sử dụng đất là 140.760.000 đồng;

- Diện tích 452 m² thuộc thửa số 344, tờ bản đồ số 29 (đo đạc thực tế 451,1 m² thửa mới 344 tờ bản đồ số 29), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS00808 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12-5 -2015 do cụ Võ Thị P đứng tên quyền sử dụng. Trên đất có căn nhà tình nghĩa hiện nay anh T đang quản lý, sử dụng. Trị giá quyền sử dụng đất 136.232.200 đồng (làm tròn 136.232.000 đồng).

Các phần đất trên đều tọa lạc tại ấp B, xã Q, huyện O, tỉnh Tây Ninh. Các đương sự thống nhất không yêu cầu chia tài sản trên đất. Tổng giá trị di sản là 273.992.000 đồng.

[3.5] Khi chia thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến công sức của ông T, vì ông là người trực tiếp chăm sóc cụ P lúc còn sống, khi cụ P mất thì ông T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thờ cúng và quản lý gìn giữ di sản của cụ P cho đến nay, nên đã chia cho ông T hai kỹ phần thừa kế là có căn cứ. Bà H tự nguyện tặng cho ông T kỹ phần thừa kế mà bà được hưởng, ông T đồng ý nên ghi nhận.

Ông Lê Văn M yêu cầu nhận trị giá phần di sản được hưởng. Ông Lê Văn M, bà Lê Thị R, ông Nguyễn Văn C không có ý kiến về phương L nhận di sản là hiện vật hay giá trị. Ông T đang trực tiếp quản lý gìn giữ di sản và thực hiện thờ cúng, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ di sản của cụ P cho ông T tiếp tục quản lý, sử dụng. Phần giá trị ông T được giao vượt quá kỹ phần mà ông T được hưởng nên ông T có trách nhiệm thanh toán lại cho những người thừa kế khác khi họ không được hưởng hiện vật là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, di sản được chia cho 07 kỹ phần; mỗi kỹ phần trị giá 39.142.000 (Ba mươi chín triệu một trăm bốn mươi hai nghìn) đồng; ông T được hưởng 02 phần và 01 phần được bà H tặng cho, tổng cộng ông T được hưởng 03 kỹ phần; ông T có trách nhiệm thanh toán cho các đồng thừa kế khác gồm: Ông Lê Văn M, ông Lê Văn M, bà Lê Thị R, ông Nguyễn Văn C mỗi người trị giá một kỹ phần thừa kế là 39.142.000 (Ba mươi chín triệu một trăm bốn mươi hai nghìn) đồng

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T. Bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Tuy nhiên, do ông M, ông M, bà R là con của Liệt sĩ (Cụ Lê Văn L); có đơn xin miễn án phí; do đó, căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông M, ông M, bà R theo quy định. Nên sửa bản án sơ thẩm về án phí.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn T, sửa bản án sơ thẩm về án phí là có căn cứ.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng các Điều 623, 650, 651, 652 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, 27, 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp thừa kế tài sản của ông Lê Văn M đối với ông Lê Văn T.

1.1. Ông Lê Văn T được giao quản lý sử dụng:

- Phần đất có diện tích 1500m² thuộc thửa số 2289, tờ bản đồ số 4 (đo đạc thực tế 1407,6 m² thửa mới 288 tờ bản đồ số 29), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H04957 ngày 17-9-2009 do Ủy ban nhân dân huyện O tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ Võ Thị P đứng tên;

- Phần đất có diện tích 452m² thuộc thửa số 344, tờ bản đồ số 29 (đo đạc thực tế 451,1 m² thửa mới 344 tờ bản đồ số 29), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS00808 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12-5 -2015 do cụ Võ Thị P đứng tên quyền sử dụng. Trên đất có căn nhà tình nghĩa hiện nay ông T đang quản lý, sử dụng.

Ông T được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp đổi quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.2. Ông Lê Văn T có nghĩa vụ thanh toán lại cho các đồng thừa kế khác gồm: Ông Lê Văn M, ông Lê Văn M, bà Lê Thị R, ông Nguyễn Văn C, mỗi người trị giá kỷ phần thừa kế số tiền 39.142.000 (Ba mươi chín triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn) đồng.

Ghi nhận các đương sự không tranh chấp đối với các tài sản trên đất, không yêu cầu giải quyết đối với tài sản này.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ:

- Ông Lê Văn M, ông Lê Văn M, bà Lê Thị R, ông Nguyễn Văn C mỗi người phải chịu 1.138.857 (Một triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi bảy) đồng.

- Ông Lê Văn T phải chịu 3.416.571 (Ba triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng .

Ông M đã nộp tạm ứng số tiền 7.972.000 đồng. Ông Lê Văn M, bà Lê Thị R, ông Nguyễn Văn C mỗi người phải có trách nhiệm thanh toán cho ông M số tiền 1.138.857 (Một triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm năm mươi bảy) đồng.

Ông Lê Văn T phải có trách nhiệm thanh toán cho ông M số tiền 3.416.571 (Ba triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, năm trăm bảy mươi một) đồng .

3- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn M, ông Lê Văn M, bà Lê Thị R được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện O hoàn trả cho ông M số tiền 3.650.000 đồng tạm ứng ông M đã nộp theo Biên lai thu số: 0015784 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O.

- Ông Nguyễn Văn C phải chịu 1.957.000 (Một triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Văn T phải chịu 5.871.000 (Năm triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng ông T đã nộp theo Biên lai thu số: 0011685 ngày 06-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Tây Ninh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện O;
- CCTHADS huyện O;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Kim Sang

